

Số: 2050 /TB-BVYHCT
Về việc báo giá cung cấp máy móc,
thiết bị y tế

Nghệ An, ngày 12 tháng 10 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An

Địa chỉ: Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của bộ phận chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An.

- Địa chỉ: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An, Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

- Số điện thoại: 02383.522.444; 0981.455.358

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể gửi báo giá theo cách thức sau: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An; Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 13 tháng 10 năm 2026 đến trước 17 giờ ngày 25 tháng 10 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục máy móc, thiết bị y tế:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu chung, cấu hình, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Máy điện xung	Mô tả cụ thể tại mục 1A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	79	Cái
2	Máy điện châm	Mô tả cụ thể tại mục 2A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	168	Cái
3	Đèn hồng ngoại	Mô tả cụ thể tại mục 3A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	68	Cái
4	Máy laser nội mạch	Mô tả cụ thể tại mục 4A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	10	Cái
5	Máy laser châm cứu	Mô tả cụ thể tại mục 5A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái
6	Máy điều trị dòng giao thoa	Mô tả cụ thể tại mục 6A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	8	Cái
7	Máy sóng ngắn điều trị	Mô tả cụ thể tại mục 7A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái
8	Máy từ trường siêu dẫn	Mô tả cụ thể tại mục 8A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	7	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu chung, cấu hình, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
9	Máy từ rung nhiệt	Mô tả cụ thể tại mục 9A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	3	Cái
10	Máy điện xung, điện phân	Mô tả cụ thể tại mục 10A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	2	Cái
11	Máy kích thích điện chức năng	Mô tả cụ thể tại mục 11A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái
12	Máy xông hơi cục bộ	Mô tả cụ thể tại mục 12A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	13	Cái
13	Máy kéo giãn cột sống thắt lưng cổ	Mô tả cụ thể tại mục 13A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	2	Cái
14	Máy kéo giãn giảm áp cột sống lưng	Mô tả cụ thể tại mục 14A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái
15	Máy trị liệu nhiệt nóng lạnh	Mô tả cụ thể tại mục 15A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	4	Cái
16	Máy trị liệu bằng sóng xung kích	Mô tả cụ thể tại mục 16A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	5	Cái
17	Máy tập chủ động và thụ động chi trên và chi dưới	Mô tả cụ thể tại mục 17A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	3	Cái
18	Máy tập chủ động và thụ động (chi trên)	Mô tả cụ thể tại mục 18A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái
19	Máy tập chủ động và thụ động (chi dưới)	Mô tả cụ thể tại mục 19A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái
20	Hệ thống PHCN chi dưới	Mô tả cụ thể tại mục 20A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu chung, cấu hình, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
21	Hệ thống PHCN bàn tay	Mô tả cụ thể tại mục 21A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái
22	Hệ thống tập và đánh giá PHCN cân bằng	Mô tả cụ thể tại mục 22A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	Cái
23	Máy xoa bóp áp lực hơi	Mô tả cụ thể tại mục 23A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	32	Cái
24	Máy siêu âm điều trị	Mô tả cụ thể tại mục 24A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	
25	Máy siêu âm tổng quát	Mô tả cụ thể tại mục 25A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	
26	Máy rửa dược liệu	Mô tả cụ thể tại mục 26A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	
27	Máy sắc thuốc	Mô tả cụ thể tại mục 27A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	2	
28	Máy cắt dược liệu củ quả	Mô tả cụ thể tại mục 28A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	
29	Máy cắt dược liệu thân cứng	Mô tả cụ thể tại mục 29A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	
30	Máy bao viên	Mô tả cụ thể tại mục 30A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	
31	Tủ sấy dược liệu	Mô tả cụ thể tại mục 31A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	
32	Tủ sấy parafin	Mô tả cụ thể tại mục 32A trong Bảng mô tả yêu cầu đính kèm theo (Phụ lục số 02)	1	

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An; Địa chỉ: Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, vận hành, chạy thử và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

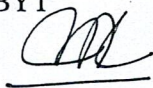
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo hợp đồng được ký kết giữa hai bên.

5. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Bảng báo giá: Theo mẫu tại phụ lục số 01 đính kèm.
- Bảng đáp ứng yêu cầu mời báo giá: Theo mẫu tại phụ lục số 03 đính kèm.
- Tài liệu kỹ thuật liên quan: Tối thiểu 01 bản in và 01 bản mềm lưu trong USB.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT



GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Thăng

PHỤ LỤC SỐ 01
BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số: 2050/TB-BVYHCT ngày 12 tháng 10 năm 2026)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An

Trên cơ sở thư mời báo giá của Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các máy móc, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các máy móc, thiết bị y tế như sau:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Thành tiền ⁽⁹⁾ (VND)	Ghi chú
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của máy móc, thiết bị y tế)

2. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, vận hành, chạy thử và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày tháng năm 2026;

4. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An. Địa chỉ: Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An

5. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

6. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa hai bên.

7. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các máy móc, thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng ... năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục máy móc, thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục máy móc, thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng máy móc, thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của máy móc, thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng máy móc, thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng máy móc, thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng máy móc, thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(10) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC SỐ 02
BẢNG MÔ TẢ YÊU CẦU

(Kèm theo thư mời chào giá số: ~~2050~~/TB-BVYHCT ngày 12/10/2026)

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
A	YÊU CẦU CHUNG, CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT			
1	Máy điện xung	Cái	79	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái. Dây nguồn: ≥ 01 cái Tấm điện cực: ≥ 4 cái. Tối thiểu 2 kích thước Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh Việt: 1 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Công suất: $\geq 36\text{VA}$ Màn hình hiển thị LED hoặc tương đương Kênh đầu ra: Tối thiểu 1 kênh đầu ra Tần số sóng trung tần: $\geq 2\text{kHz}$ (dung sai 10%) Tần số điều biến: từ $\leq 1\text{ Hz}$ đến $\geq 150\text{ Hz}$ Độ rộng xung: trong khoảng $\geq 50\mu\text{s}$ đến $\leq 250\mu\text{s}$ Nhiệt độ tấm điện cực: từ $\leq 38^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 55^{\circ}\text{C}$, có thể điều chỉnh tối thiểu 3 cấp độ Có tối thiểu chế độ liên tục Phước đồ điều trị mẫu: ≥ 35 phác đồ
2	Máy điện châm	Cái	168	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái. Adaptor chuyển đổi dòng điện: ≥ 01 cái. Kẹp kim: ≥ 12 cái Điện cực dán ≥ 12 cái Dây nối: ≥ 06 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh Việt: 1 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Nguồn điện: DC9V/AC220V hoặc 110V Giao diện Tiếng Việt Công suất đầu vào: $\geq 4.5\text{ VA}$

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Tần số xung từ ≤ 1 Hz đến ≥ 99 Hz (dung sai $\pm 20\%$)
				Độ rộng xung: Trong khoảng $\geq 160 \mu s - \leq 240 \mu s$
				Có tối thiểu 3 dạng sóng đầu ra
				Số kênh đầu ra ≥ 6 kênh
				Dòng điện đầu ra tối đa: không lớn hơn 10 mA
3	Đèn hồng ngoại	Cái	68	I. Yêu cầu chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương
				Nguồn cấp: Phù hợp với điện lưới Việt Nam
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:
				Máy chính: 01 cái.
				Bóng đèn hồng ngoại: ≥ 01 cái.
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Công suất: $\geq 250W$
				Chiều cao tối đa: ≥ 160 cm
				Thời gian cài đặt: Điều chỉnh từ 0 phút đến ≥ 60 phút
				Thiết bị có bánh xe
4	Máy laser nội mạch	Cái	10	I. Thông tin chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485
				Nguồn điện: 108V đến 240V; Tần số: 50/60Hz
				II. Đáp ứng yêu cầu cấu hình
				Máy chính : 01 chiếc
				Đầu phát laser : 02 cái
				Dây nguồn : 01 cái
				Hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt: 01 bộ
				III. Đáp ứng tính năng và thông số kỹ thuật
				Kiểu laser bán dẫn hoặc tương đương
				Bước sóng laser: ≥ 650 nm
				Đầu điều trị: ≥ 2 đầu
				Công suất laser tối đa: ≥ 5 mW/1 đầu, điều chỉnh được
				Thời gian điều trị: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 99 phút
				Chế độ hoạt động có tối thiểu: Liên tục và xung
5	Máy laser châm cứu	Cái	1	I. Yêu cầu chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:
				Máy chính: 01 cái.

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Đầu phát laser: ≥ 12 cái Dây nguồn: ≥ 01 cái Hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Số đầu phát tối đa: ≥ 12 kênh Bước sóng: $\geq 658\text{nm} \pm 10\text{nm}$ Chế độ hoạt động có tối thiểu: Liên tục và xung Thời gian điều trị có thể cài đặt: ≤ 1 phút đến ≥ 99 phút Tần số: ≤ 1 Hz đến ≥ 130 Hz Công suất mỗi kênh: $\geq 20\text{mW}$ Có màn hình LCD hoặc cảm ứng hoặc tốt hơn
6	Máy điều trị dòng giao thoa	Cái	8	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: ≥ 01 cái Dây nguồn: ≥ 01 cái Dây điện cực hút chân không: ≥ 02 bộ Cốc hút chân không: ≥ 08 cái Miếng bọt biển: ≥ 08 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Công suất: $\geq 140\text{VA}$ Tần số chênh lệch sóng giao thoa: từ ≤ 1 Hz đến $\geq 120\text{Hz}$. Tần số hoạt động: Tần số nằm trong khoảng $\geq 2000\text{Hz}$ đến $\leq 6000\text{Hz}$ Tối thiểu có các mức điều biến: 25%, 50%, 75%, 100% Dòng điện đầu ra tối đa: $\geq 60\text{mA}$ Chương trình điều trị mẫu tối thiểu: ≥ 09 chương trình
7	Máy sóng ngắn điều trị	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam Nguồn điện: AC 220V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái Dây nguồn: ≥ 01 cái Điện cực: ≥ 02 cái Cánh tay đỡ: ≥ 01 bộ Nút dừng khẩn cấp an toàn: ≥ 01 cái

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Chân đế cố định chống rung: ≥ 01 cái
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Công suất đầu vào: ≥ 600 VA
				Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng ≥ 5.7 inch
				Tần số làm việc: $\geq 27,12$ MHz
				Chế độ điều trị: Tối thiểu có xung và liên tục
				Công suất đầu ra tối đa (chế độ liên tục): $\geq 200W$
				Dải tần số xung: từ $\leq 50Hz$ đến $\geq 800Hz$
				Độ rộng xung: từ $\leq 50\mu s$ đến $\geq 200\mu s$
				Kích thước điện cực: đường kính $\geq 130mm$
				Thời gian trị liệu cài đặt: ≤ 1 phút đến ≥ 30 phút
8	Máy từ trường siêu dẫn	Cái	7	I. Yêu cầu chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương
				II. Yêu cầu về cấu hình
				Máy chính kèm giường điều trị: ≥ 01 cái
				Dây nguồn: ≥ 01 cái
				Giá đỡ đầu phát ≥ 01 cái
				Đầu phát ≥ 01 cái
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ
				III. Yêu cầu về tính năng thông số kỹ thuật
				Công suất đầu vào định mức: $\geq 1800VA$
				Màn hình cảm ứng hoặc tương đương, kích thước ≥ 8 inch
				Cường độ từ trường tối đa: $\geq 3T$
				Tần số đầu ra: $\leq 1Hz$ đến $\geq 30Hz$
				Độ rộng xung: $\geq 100\mu s$
				Có phác đồ điều trị mẫu: ≥ 40
				Thời gian trị liệu: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 60 phút
9	Máy từ rung nhiệt	Cái	3	I. Yêu cầu chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485
				Điện áp định mức: 220V, tần số định mức: 50Hz/ 60Hz
				II. Yêu cầu về cấu hình
				Máy chính: 01 Cái
				Dây nguồn: ≥ 01 cái
				Bán cực: ≥ 04 chiếc
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ
				Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: ≥ 01 bộ

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Kênh đầu ra trị liệu: tối thiểu 4 kênh Công suất đầu vào định mức: $\geq 150\text{VA}$ Cường độ từ trường $\geq 12\text{ mT}$ Chế độ điều trị: ≥ 02 chế độ Điều chỉnh nhiệt độ: Có tối thiểu 4 mức từ 40°C đến $\geq 55^{\circ}\text{C}$ Thời gian điều trị có thể điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 30 phút
10	Máy điện xung điện phân	Cái	2	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2025 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam Nguồn điện cấp: Điện áp AC 220V - 240V, tần số 50Hz/60Hz II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái Dây nguồn: 01 cái Dây cáp: ≥ 01 cái Điện cực cao su $\geq 50\text{ mm} \times 75\text{ mm}$: ≥ 4 cái Túi bọc điện cực $\geq 50\text{ mm} \times 75\text{ mm}$: ≥ 4 cái Dây buộc điện cực: ≥ 4 cái Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Xuất xứ: Châu Âu Công suất tiêu thụ: $\geq 60\text{W}$ Hệ thống bảo vệ thiết bị: có tích hợp cầu chì bảo vệ quá dòng Màn hình cảm ứng Thời gian điều trị: Cài đặt được từ ≤ 1 phút đến ≥ 60 phút. Cường độ dòng tối đa: $\geq 100\text{ mA}$ Chế độ phát dòng: Tối thiểu 25 dạng sóng. Chế độ hoạt động: Dòng điện không đổi, điện áp không đổi Số kênh điện trị liệu: ≥ 02 kênh Có chức năng lưu trữ chương trình điều trị
11	Máy kích thích điện chức năng	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2025 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam Nguồn điện cấp: Điện áp AC 220V - 240V, tần số 50Hz/60Hz II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái Dây nguồn: 01 cái Dây cáp: ≥ 02 cái Điện cực cao su kích thước $70\text{mm} \times 50\text{mm}$ hoặc $60\text{ mm} \times 85\text{ mm}$: ≥ 8 cái

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Túi bọc điện cực $\geq 70 \text{ mm} \times 50 \text{ mm}$ hoặc $60 \text{ mm} \times 85 \text{ mm}$: ≥ 8 cái
				Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: ≥ 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Xuất xứ: Châu Âu
				Công suất tiêu thụ: $\geq 75 \text{ VA}$.
				Hệ thống bảo vệ thiết bị: có tích hợp cầu chì bảo vệ quá dòng
				Màn hình màu LCD hoặc cảm ứng hoặc tốt hơn
				Thời gian điều trị: cài đặt được từ 0 phút đến ≥ 60 phút.
				Cường độ dòng tối đa: $\geq 100 \text{ mA}$
				Chế độ phát dòng: Tối thiểu 25 dạng sóng.
				Chế độ hoạt động: Dòng điện không đổi, điện áp không đổi
				Số kênh điện trị liệu: ≥ 04 kênh
				Có các phác đồ được lập trình sẵn
				Bộ nhớ thiết bị hỗ trợ lưu: Có
12	Máy xông hơi cục bộ	Cái	13	I. Yêu cầu chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương
				Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:
				Thân máy chính: ≥ 01 cái
				Vòi phun: ≥ 02 cái
				Bình chứa nước: ≥ 1 cái
				Cốc đong: ≥ 1 cái
				Tắm chụp xông hơi: ≥ 2 cái
				Túi đựng dược liệu: ≥ 1 hộp
				Băng thấm hút nước: ≥ 4 cái
				Cầu chì: ≥ 2 cái
				Ống cao su silicon: ≥ 1 cái
				Vòng đệm: ≥ 1 cái
				Bộ vệ sinh: ≥ 1 bộ
				Bộ phận tạo hơi nước: ≥ 01 cái
				Bộ phận điều khiển: ≥ 01 cái
				Dây nguồn: ≥ 01 cái
				Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Công suất đầu vào: $\geq 2300 \text{ VA}$
				Màn hình cảm ứng LCD ≥ 7 inch hoặc tương đương
				Điều chỉnh được ≥ 6 mức
				Đầu phun có thể điều chỉnh được
				Thời gian điều trị: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 99 phút.
				Thiết kế giúp vòi phun không bị nhỏ giọt

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Nhiệt độ làm nóng có thể điều chỉnh từ: $\leq 70^{\circ}\text{C}$ và $\geq 99^{\circ}\text{C}$ Thể tích chất lỏng thêm tối đa $\geq 3\text{L}$ Kênh đầu ra: ≥ 02 kênh Máy cho phép điều trị đồng thời 02 bệnh nhân Máy có chức năng tự động chống rò rỉ và bảo vệ khi cháy khô Có công nghệ hoặc cảm biến đo nhiệt tránh bỏng
13	Máy kéo giãn cột sống thắt lưng cổ	Cái	2	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz Điều kiện làm việc yêu cầu: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 máy Dây nguồn: ≥ 01 cái Bộ phận dùng khẩn cấp: 01 cái Đai kéo giãn lưng: ≥ 01 cái Đai kéo giãn cổ: ≥ 01 cái Ghế: ≥ 01 cái Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Màn hình cảm ứng ≥ 5.7 inch. Chế độ kéo: Có ít nhất 03 chế độ kéo Lực kéo cột sống lưng: có thể điều chỉnh trong phạm vi từ 0 N - $\geq 990\text{N}$ Tổng thời gian kéo: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 99 phút Kích thước giường kéo: Chiều dài $\geq 2100\text{mm}$, chiều rộng $\geq 600\text{mm}$ Có chức năng bù lực kéo tự động
14	Máy kéo giãn giảm áp cột sống lưng	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Môi trường hoạt động yêu cầu: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam Điện áp yêu cầu: AC 220V ~ 240, tần số 50Hz hoặc 60 Hz II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Giường kéo giãn nâng hạ điện: ≥ 01 cái Dây nguồn: ≥ 01 cái Đai kéo giãn lưng: ≥ 01 cái Đai hoặc khung kéo giãn cổ tư thế nằm: ≥ 01 cái Khung kê kê chân: ≥ 01 cái Máy tính: ≥ 01 cái Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ Công tắc khẩn cấp: ≥ 01 bộ

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Kích thước giường yêu cầu tối thiểu (Dài x Rộng x Cao): $\geq 1980\text{mm} \times 680\text{mm} \times 660\text{mm}$
				Tải trọng giường yêu cầu tối thiểu: $\geq 200\text{Kg}$
				Chế độ hoạt động: Tối thiểu bốn chương trình
				Phạm vi điều chỉnh góc điều trị cho phép: từ 0° đến $\geq 25^\circ$.
				Thiết bị cho phép cài đặt và hiển thị theo thời gian thực
				Chức năng an toàn: Yêu cầu tối thiểu phải có công tắc ngắt khẩn cấp hoặc tương đương
15	Máy trị liệu nhiệt nóng lạnh	Cái	4	I. Yêu cầu chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam
				Điện áp định mức yêu cầu: 110V - 230V
				Tần số định mức yêu cầu : 50Hz - 60Hz
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:
				Máy chính: ≥ 01 cái
				Dây nguồn: ≥ 01 cái
				Đầu điều trị: ≥ 01 cái
				Giá đỡ đầu điều trị: 01 cái
				Xe đẩy chính hãng: ≥ 01 cái
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: 01 bộ
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Công suất yêu cầu: $\geq 300\text{VA}$
				Màn hình hiển thị LCD hoặc tương đương, kích thước ≥ 7 inch
				Thời gian điều trị cho phép cài đặt: Từ ≤ 1 phút đến ≥ 90 phút
				Phạm vi cài đặt nhiệt độ điều trị cho phép: từ $\leq 4^\circ\text{C}$ đến $\geq 41^\circ\text{C}$
16	Máy trị liệu bằng sóng xung kích	Cái	5	I. Yêu cầu chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam
				Điện áp yêu cầu: AC 100V ~ 240V
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:
				Máy chính kèm màn hình màu cảm ứng 10,1 inch tích hợp xe đẩy: 01 cái
				Dây nguồn: ≥ 01 cái
				Đầu phát điều trị: ≥ 01 cái
				Giá đỡ đầu phát điều trị: ≥ 01 cái
				Gel điều trị: ≥ 01 chai

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Giá đỡ chai gel: ≥ 01 cái Tấm truyền: ≥ 03 cái Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Công suất đầu vào yêu cầu: $\geq 150\text{VA}$ Màn hình cảm ứng hoặc tương đương, kích thước ≥ 8.4 inch Công suất điều trị tối đa: $\geq 0,65 \text{ mJ/mm}^2$. Tần số: từ $\leq 1 \text{ Hz}$ đến $\geq 8\text{Hz}$ Chế độ hoạt động tối thiểu 02 chế độ: Đơn và liên tục Số lượng xung/ lần điều trị: từ ≤ 100 xung đến ≥ 7000 xung Chương trình điều trị sẵn: ≥ 10 chương trình Áp suất âm thanh trong phạm vi cài đặt: $\leq 10\text{MPa}$ đến $\geq 60\text{MPa}$ Độ sâu điều trị: Tối đa $\geq 44\text{mm}$
17	Máy tập chủ động và thụ động chi trên và chi dưới	Cái	3	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam Nguồn điện: AC 220V , tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái Màn hình LCD: ≥ 01 cái Dây nguồn: ≥ 01 cái Cùm tay quay tập vận động chi trên: Tay cầm tập luyện hai bên: ≥ 01 cái Bộ phận điều chỉnh độ cao và góc tập: ≥ 01 bộ Nút dừng khẩn cấp an toàn: ≥ 01 cái Chân đế cố định chống rung: ≥ 01 cái Thiết bị ghi điện não: ≥ 01 cái Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Chức năng chính yêu cầu: Có tối thiểu chức năng tập luyện chi trên và chi dưới Công suất đầu vào: $\geq 80 \text{ VA}$ Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD hoặc tương đương, kích thước ≥ 8 inch Phạm vi điều chỉnh chiều cao cho phép: từ 0 mm đến $\geq 80\text{mm}$ Bộ phận tập chi trên có thể xoay ngang 180° Thời gian tập luyện: từ ≤ 1 phút đến ≥ 60 phút Dải tốc độ tập luyện: từ $\leq 4\text{rpm}$ đến $\geq 55\text{rpm}$ Chế độ hỗ trợ quay thuận/ngịch Dải điều chỉnh kháng lực tối đa ≥ 15 mức

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Có tính năng thống kê dữ liệu luyện tập
				Mức độ tiếng ồn khi vận hành $\leq 60\text{dB(A)}$.
18	Máy tập chủ động và thụ động (chi trên)	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái Màn hình LCD: ≥ 01 cái Dây nguồn: ≥ 01 cái Khung đỡ tay: ≥ 01 cái Chân đế di động tích hợp bánh xe khóa: ≥ 01 bộ Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD ≥ 7 inch Phạm vi điều chỉnh chiều cao cột trụ: từ 0mm đến $\geq 100\text{mm}$ Phạm vi mở rộng cánh tay cho phép điều chỉnh từ 0mm đến $\geq 100\text{mm}$ Có tính năng thống kê dữ liệu luyện tập Phạm vi điều chỉnh tốc độ: từ ≤ 5 vòng/phút đến ≥ 55 vòng/phút
19	Máy tập chủ động và thụ động (chi dưới)	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái Màn hình LCD: ≥ 01 cái Dây nguồn: ≥ 01 cái Khung đỡ chân: ≥ 01 cái Chân đế di động tích hợp bánh xe khóa: ≥ 01 bộ Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD, kích thước ≥ 7 inch Phạm vi điều chỉnh chiều cao cột trụ: từ 0 đến $\geq 100\text{mm}$ Phạm vi điều chỉnh tốc độ: từ ≤ 5 vòng/phút đến ≥ 55 vòng/phút
20	Hệ thống PHCN chi dưới	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam Nguồn điện: AC 220V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Giường tập đứng: 01 cái Dây nguồn và phụ kiện kết nối: ≥ 01 cái Hệ thống tập chi dưới: ≥ 01 bộ Khung đỡ và hệ thống treo giảm tải trọng cơ thể: ≥ 01 bộ Bộ đai cố định(vai, ngực, hông, đùi, cẳng chân, bàn chân): ≥ 01 bộ Hệ thống nâng hạ bằng điện: 01 bộ Màn hình điều khiển cảm ứng ≥ 15 inch hoặc tương đương: ≥ 01 cái Màn hình LCD ≥ 55 inch: ≥ 01 bộ Phần mềm điều khiển có giao diện tiếng Việt hoặc hỗ trợ ngôn ngữ tiếng Việt: 01 bộ (tích hợp theo thiết bị) Nút dừng khẩn cấp: ≥ 01 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD, kích thước ≥ 15 inch Dải góc đứng: từ 0° đến $\geq 90^\circ$ Tốc độ bước: có thể điều chỉnh từ ≤ 8 bước/phút đến ≥ 80 bước/phút Tải trọng chân cơ học lên đến ≥ 50 kg Điều chỉnh sai chân / Bàn đạp: Cho phép điều chỉnh linh hoạt hoặc liên tục
21	Hệ thống PHCN bàn tay	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chủ: 01 cái Bánh xe có khóa: 04 cái Bộ khung gầm: 01 cái Mặt bàn: 01 cái Thiết bị xoay bàn tay: ≥ 01 cái Thiết bị tập nâng ngón tay: ≥ 01 cái Thiết bị tập gập/ duỗi cổ tay: ≥ 01 cái Thiết bị tập lệch trụ/ lệch quay cho cổ tay: ≥ 01 cái Thiết bị tập luyện ngón cái: ≥ 01 cái Thiết bị tập kẹp ngón tay: ≥ 01 cái Thiết bị tập kéo ngang ngón tay: ≥ 01 cái Thiết bị tập gập/ duỗi ngón tay: ≥ 01 cái Thiết bị tập xoay cẳng tay: ≥ 01 cái Thiết bị tập nắm: ≥ 01 cái Thiết bị tập đối xứng: ≥ 01 cái Thiết bị tập giữ ngón tay: ≥ 01 cái Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Số lượng bệnh nhân tập cùng lúc. Cho phép tối thiểu 04 bệnh nhân tập luyện đồng thời
				Phạm vi điều chỉnh lực cản kháng trở từ $\leq 300g$ đến $\geq 1500g$
				Tối thiểu 12 chế độ tập luyện cho chi trên
				Cho phép điều chỉnh lực cản nhanh và chính xác
22	Hệ thống tập và đánh giá PHCN cân bằng	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Khung máy chính: 01 cái Bàn thăng bằng: ≥ 01 cái Tay vịn: ≥ 01 bộ Máy tính: ≥ 01 bộ Bệ đỡ có bánh xe đẩy: 01 bộ Giá đỡ: ≥ 01 bộ Có phần mềm điều khiển có giao diện tiếng Việt hoặc hỗ trợ ngôn ngữ tiếng Việt Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh - Tiếng Việt: ≥ 01 Bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Công nghệ / Hệ thống cảm biến yêu cầu: Cảm biến áp lực hoặc tương đương Kích thước tấm nhận dữ liệu: $\geq 420mm \times 420mm$ Có khả năng thu thập dữ liệu đo theo thời gian thực Số cảm biến áp lực yêu cầu: Có tối thiểu 4 cảm biến áp lực Giao diện truyền dữ liệu: Có khả năng kết nối máy tính qua USB hoặc giao tiếp tương đương
23	Máy xoa bóp áp lực hơi	Cái	32	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương Nguồn cấp: Phù hợp với điện lưới Việt Nam Môi trường hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 máy Dây nguồn: ≥ 01 cái Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Công suất đầu vào: $\geq 50VA$ Túi khí tối thiểu 04 khoang/chi, 08 khoang cho hai chi.

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Áp suất tối đa ≥ 203 mmHg. Thời gian điều trị: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 30 phút
24	Máy siêu âm điều trị	Cái	1	1. Yêu cầu chung Sản xuất năm: 2026 trở về sau, mới 100% Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương Điện áp làm việc: 100V đến 240VAC, 50/60Hz Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện môi trường và khí hậu Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy: Máy chính: 01 cái Cáp nguồn/Adapter: 01 cái Đầu dò siêu âm: ≥ 01 cái Chai gel siêu âm: ≥ 01 chai Xe đẩy chính hãng: 01 cái Bộ hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ 3. Yêu cầu về kỹ thuật: Màn hình có kích thước ≥ 5 inch Số cổng kết nối ≥ 2 cổng, cho phép điều chỉnh độc lập Tần số đầu phát: 1Mhz và 3Mhz $\pm 10\%$ Cường độ điều trị tối đa: $\geq 1,5W/cm^2$ Chế độ hoạt động tối thiểu 2 chế độ
25	Máy siêu âm tổng quát	Cái	1	I. Yêu cầu chung Thiết bị được sản xuất năm 2026 trở về sau, mới 100%. Nhà sản xuất có giấy chứng chỉ quốc tế : ISO 13485 và CE hoặc ISO13485 và FDA Xuất xứ máy chính và đầu dò: Thuộc nhóm nước G7 Điện nguồn sử dụng: Phù hợp với điện áp Việt Nam Điều kiện môi trường hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam II. Cấu hình Máy chính kèm xe đẩy: 01 bộ Phụ kiện kèm theo: Đầu dò convex đơn tinh thể hoặc tương đương: 01chiếc Đầu dò tuyến tính điện tử : 01 chiếc Đầu dò tim đơn tinh thể hoặc ma trận: 01 chiếc Phần mềm DICOM: 01 bộ Phần mềm đo độ dày lớp nội trung mạc tự động: 01 bộ Phần mềm siêu âm vi mạch hoặc siêu âm dòng màu độ nhạy cao hoặc tương đương: 01 bộ Phần mềm siêu âm mở rộng toàn cảnh: 01 bộ Máy in ảnh nhiệt đen trắng: 01 chiếc Bộ lưu điện 2KVA: 01 chiếc Bộ máy tính để bàn: 01 chiếc Máy in màu khổ A4 : 01 chiếc

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				III. Đặc tính kỹ thuật
				1. Cấu tạo chung
				Kích thước màn hình hiển thị: ≥ 21.5 inch
				Loại màn hình điều khiển: Màn hình cảm ứng
				Kích thước màn hình điều khiển: ≥ 10.4 inch
				Dung lượng ổ cứng ≥ 1 TB
				Có cổng USB
				Số cổng cắm đầu dò: ≥ 4 cổng cắm
				Cổng mạng: có
				Dải động hệ thống: ≥ 310 dB
				Kênh xử lý: $\geq 4,600,000$ kênh
				Tốc độ khung hình: ≥ 850 khung hình/giây
				Có khả năng nâng cấp lên phần mềm siêu âm hòa hình với ảnh CT/MRI
				2. Các chế độ hoạt động và hiển thị hình ảnh
				Chế độ B
				Chế độ dòng màu
				Chế độ M mode
				Chế độ Doppler phổ (PW, CW, HPRF-PW)
				Chế độ Doppler năng lượng (Doppler năng lượng có hướng)
				3. Tính năng chế độ B
				Độ khuếch đại: có thể điều chỉnh
				Dải động: Có thể điều chỉnh
				Tần số tối đa: ≥ 22 Mhz
				Bản đồ thang xám: có thể điều chỉnh
				Có thể lái tia trên đầu dò tuyến tính
				Có thể phóng đại hình ở chế độ dừng hình và thời gian thực
				Độ sâu tối đa: ≥ 40 cm
				Có bộ lọc nhiễu đốm ≥ 5 bước
				4. Chế độ M
				Tốc độ quét: Có thể điều chỉnh
				Có chế độ góc M tự do
				5. Chế độ Doppler phổ
				Độ khuếch đại: Có thể điều chỉnh
				Điều chỉnh kích thước cổng lấy mẫu Doppler: ≤ 1 mm đến ≥ 20 mm
				Độ lọc thành tối đa: Có thể điều chỉnh
				Điều chỉnh góc: Có thể điều chỉnh
				Dịch chuyển đường cơ bản: Có thể điều chỉnh được
				Tần số lặp lại xung PW: ≤ 0.2 kHz đến ≥ 34 kHz
				Vận tốc tối đa CW: ≥ 1600 cm/s
				Có chức năng tự động viên phổ Doppler thời gian thực
				6. Chế độ Doppler màu
				Độ lọc thành: có thể điều chỉnh
				Bản đồ màu: có thể điều chỉnh

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				7. Chế độ Doppler năng lượng Độ lọc thành: có thể điều chỉnh Bản đồ màu: có thể điều chỉnh 8. Các phép đo cơ bản và chuyên sâu Các phép đo cơ bản chế độ B tối thiểu có: Khoảng cách, chu vi, diện tích. Các phép đo cơ bản chế độ M tối thiểu có: Độ dài, thời gian, nhịp tim, vận tốc Các phép đo cơ bản chế độ Doppler tối thiểu có: Vận tốc, gia tốc, thời gian, nhịp tim, chỉ số kháng lực (RI), chỉ số đập (PI). Có các phép đo chuyên sâu cho ổ bụng, sản khoa, tim, mạch, phần nông, tiền liệt tuyến. 9. Các đầu dò siêu âm Đầu dò rẽ quạt điện tử, công nghệ đơn tinh thể Tần số từ: ≤ 1.0 MHz đến ≥ 5 MHz Góc quét: ≥ 70 độ Số lượng chấn tử: ≥ 160 Đầu dò tuyến tính điện tử Tần số từ: ≤ 3 MHz đến ≥ 12 MHz Độ rộng: ≥ 38 mm Số lượng chấn tử: ≥ 160 chấn tử Đầu dò tim đơn tinh thể hoặc ma trận Tần số từ: ≤ 1 MHz đến ≥ 5 MHz Góc quét: ≥ 90 độ Số lượng chấn tử: ≥ 80 chấn tử
26	Máy rửa được liệu	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương Nguồn điện: phù hợp với điện lưới Việt Nam II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái. Dây nguồn: ≥ 01 cái Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Kích thước thùng quay: (Đường kính x chiều dài) $\geq \varnothing 600$ mm $\times \geq 1.500$ mm Công suất động cơ: ≥ 0.75 kW Tốc độ quay tối đa: ≥ 9 vòng/phút
27	Máy sắc thuốc	Cái	2	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc 14001 hoặc tương đương Điện áp: 220V/ 50Hz – 60Hz II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Nồi sắc: ≥ 01 cái

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Dây nguồn: ≥ 01 cái Trục ép: ≥ 01 cái Hộp điều khiển: ≥ 01 cái Đồng hồ chỉ áp lực và van xả hơi: ≥ 01 bộ Van chuyển thuốc: ≥ 01 cái Van xả nước: ≥ 01 cái Túi lọc đựng thuốc sắc: ≥ 01 cái Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Dung tích nội sắc: $\geq 50L$ Công suất: $\geq 2.4kW$ Máy sắc thuốc sử dụng áp suất
28	Máy cắt dược liệu củ quả	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: 01 cái Xi lanh nén khí: ≥ 01 cái Áp xuất kế: ≥ 01 cái Súng phun: ≥ 01 cái Van điện từ: ≥ 01 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh + Việt): ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Năng suất tối đa: ≥ 800 Kg/h Kích cỡ cắt có thể điều chỉnh: từ $\leq 3mm$ đến ≥ 6 mm Công suất động cơ: ≥ 5.5 kW Bộ chuyển đổi: ≥ 7.5 kW
29	Máy cắt dược liệu thân cứng	Cái	1	I. Yêu cầu chung Hàng hóa mới 100% Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương II. Yêu cầu về mặt cấu hình: Máy chính: ≥ 01 cái Dây nguồn: ≥ 01 cái Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ III. Yêu cầu thông số kỹ thuật Năng suất từ $\leq 50kg/h$ đến ≥ 800 kg/h Kích cỡ cắt: từ $\leq 20mm$ đến ≥ 60 mm Bề rộng của băng chuyển truyền tải tối thiểu: ≥ 200 mm Công suất động cơ: ≥ 2.2 KW Tốc độ: ≥ 357 lần/phút
30	Máy bao viên	Cái	1	I. Yêu cầu chung

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương
				Điện áp nguồn: phù hợp với điện lưới Việt Nam
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:
				Máy chính: ≥ 01 cái
				Dây nguồn: ≥ 01 cái
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ
				Biến tần điều chỉnh nhanh chậm: ≥ 01 cái
				Đồng hồ báo nhiệt độ: ≥ 01 cái
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Năng suất tối đa: $\geq 40\text{kg/mẻ}$
				Đường kính: $\geq 1000\text{mm}$
				Công suất động cơ: $\geq 0,75\text{ KW}$
				Tốc độ động cơ: ≥ 25 vòng/phút.
				Công suất gia nhiệt: $\geq 4\text{ KW}$
				Công suất quạt: $\geq 220\text{ W}$
				Vật liệu chế tạo máy yêu cầu: inox 304 hoặc tương đương
31	Tủ sấy dược liệu	Cái	1	I. Yêu cầu chung
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương
				Điện áp nguồn: phù hợp với điện lưới Việt Nam
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:
				Máy chính: ≥ 01 bộ
				Quạt gió: ≥ 02 cái;
				Xe khay: ≥ 02 cái
				Khay: ≥ 48 cái
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Buồng sấy yêu cầu: Sử dụng bông thủy tinh cách nhiệt hoặc tương đương
				Cánh cửa yêu cầu có 2 cánh mở đối diện liên động nhau bằng khóa từ
				Vỏ trong và ngoài của máy bằng inox 304 dày: $\geq 1\text{mm}$
				Khung bằng thép cacbon định hình hoặc tương đương
				Số buồng: ≥ 1 buồng
				Đảm bảo nhiệt độ đồng đều trong buồng $\pm 02^{\circ}\text{C}$
				Nhiệt độ trong buồng: $\leq 30^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 150^{\circ}\text{C}$
				Nhiệt độ tối đa: $\geq 150^{\circ}\text{C}$
				Kích thước tủ sấy: Dài $\geq 2500\text{mm}$ x Rộng $\geq 1200\text{mm}$ x Cao $\geq 1200\text{ mm}$.
				Kích thước hiệu dụng: Dài $\geq 2000\text{mm}$ x Rộng $\geq 1000\text{mm}$ x Cao $\geq 1500\text{ mm}$.
				Kích thước cánh cửa: Dài $\geq 1100\text{mm}$ x Rộng $\geq 1600\text{mm}$ x Dày $\geq 50\text{mm}$.
32	Tủ sấy parafin	Cái	1	I. Yêu cầu chung

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa
				Hàng hóa mới 100%
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động :
				Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam
				Nguồn điện: AC 220V – 50Hz/60Hz
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:
				Máy chính: 01 cái
				Dây nguồn: ≥ 01 cái
				Dao phết sấp: ≥ 01 cái
				Cầu chì: ≥ 02 cái
				Thước thủy: ≥ 01 cái
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				Công suất đầu vào: ≥ 3500 VA
				Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD, kích thước ≥ 8 inch
				Dải nhiệt độ nấu paraffin: từ $\leq 60^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 99^{\circ}\text{C}$
				Dải nhiệt độ giữ nhiệt: từ $\leq 46^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 80^{\circ}\text{C}$
				Dung tích buồng nấu sấp: $\geq 80\text{L}$
				Dung tích buồng giữ nhiệt: $\geq 180\text{L}$
				Hệ thống lọc sấp: độ mịn ≥ 50 mesh
				Số lượng khay/tấm paraffin: Tối đa ≥ 15 khay/tấm
				Điều chỉnh độ dày tấm paraffin: ≥ 3 mức độ
				Mức độ tự động hóa: có khả năng vận hành tự động trong quá trình nấu paraffin.
				Cửa sổ quan sát (cao x rộng) tối thiểu: $\geq 650\text{ mm} \times 200\text{ mm}$
				Có hệ thống chiếu sáng buồng giữ nhiệt
				An toàn thiết bị: Yêu cầu có các cơ chế bảo vệ nhiệt độ, quá nhiệt và vận hành an toàn
B	CÁC YÊU CẦU KHÁC			
				- Các hàng hóa phải được bảo hành ít nhất 12 tháng kể từ sau khi nghiệm thu, bàn giao sử dụng;
				- Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật;
				- Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 05 năm khi Bệnh viện có nhu cầu; Cung cấp tài liệu kỹ thuật, Catalogue, tài liệu hướng dẫn sử dụng và có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị;
				Nhà thầu phải cung cấp: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng thiết bị (CQ); Tờ khai hải quan và các giấy tờ khác tại thời điểm giao hàng.

PHỤ LỤC SỐ 03
BẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỜI BÁO GIÁ
(Kèm theo thư mời chào giá số: 205/TB-BVYHCT ngày 12/10/2026)

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
A	YÊU CẦU CHUNG, CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT							
1	Máy điện xung	Cái	79	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái.				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Tấm điện cực: ≥ 4 cái. Tối thiểu 2 kích thước				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh Việt: 1 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất: ≥ 36VA				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Màn hình hiển thị LED hoặc tương đương				
				Kênh đầu ra: Tối thiểu 1 kênh đầu ra				
				Tần số sóng trung tần: $\geq 2\text{kHz}$ (dung sai 10%)				
				Tần số điều biến: từ $\leq 1\text{ Hz}$ đến $\geq 150\text{ Hz}$				
				Độ rộng xung: trong khoảng $\geq 50\mu\text{s}$ đến $\leq 250\mu\text{s}$				
				Nhiệt độ tắm điện cực: từ $\leq 38^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 55^{\circ}\text{C}$, có thể điều chỉnh tối thiểu 3 cấp độ				
				Có tối thiểu chế độ liên tục				
				Phước đồ điều trị mẫu: ≥ 35 phác đồ				
2	Máy điện châm	Cái	168	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Máy chính: 01 cái.				
				Adaptor chuyển đổi dòng điện: ≥ 01 cái.				
				Kẹp kim: ≥ 12 cái				
				Điện cực dán ≥ 12 cái				
				Dây nối: ≥ 06 cái				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh Việt: 1 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Nguồn điện: DC9V/AC220V hoặc 110V				
				Giao diện Tiếng Việt				
				Công suất đầu vào: ≥ 4.5 VA				
				Tần số xung từ ≤ 1 Hz đến ≥ 99 Hz (dung sai $\pm 20\%$)				
				Độ rộng xung: Trong khoảng $\geq 160 \mu s - \leq 240 \mu s$				
				Có tối thiểu 3 dạng sóng đầu ra				
				Số kênh đầu ra ≥ 6 kênh				
				Dòng điện đầu ra tối đa: không lớn hơn 10 mA				
3	Đèn hồng ngoại	Cái	68	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương				
				Nguồn cấp: Phù hợp với điện lưới Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái.				
				Bóng đèn hồng ngoại: ≥ 01 cái.				
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất: $\geq 250W$				
				Chiều cao tối đa: ≥ 160 cm				
				Thời gian cài đặt: Điều chỉnh từ 0 phút đến ≥ 60 phút				
				Thiết bị có bánh xe				
4	Máy laser nội mạch	Cái	10	I. Thông tin chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485				
				Nguồn điện: 108V đến 240V; Tần số: 50/60Hz				
				II. Đáp ứng yêu cầu cấu hình				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Máy chính : 01 chiếc				
				Đầu phát laser : 02 cái				
				Dây nguồn : 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt: 01 bộ				
				III. Đáp ứng tính năng và thông số kỹ thuật				
				Kiểu laser bán dẫn hoặc tương đương				
				Bước sóng laser: ≥ 650 nm				
				Đầu điều trị: ≥ 2 đầu				
				Công suất laser tối đa: ≥ 5 mW/1 đầu, điều chỉnh được				
				Thời gian điều trị: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến $\geq$				
				Chế độ hoạt động có tối thiểu: Liên tục và xung				
5	Máy laser châm cứu	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái.				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Đầu phát laser: ≥ 12 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Số đầu phát tối đa: ≥ 12 kênh				
				Bước sóng: $\geq 658\text{nm} \pm 10\text{nm}$				
				Chế độ hoạt động có tối thiểu: Liên tục và xung				
				Thời gian điều trị có thể cài đặt: ≤ 1 phút đến ≥ 99 phút				
				Tần số: ≤ 1 Hz đến ≥ 130 Hz				
				Công suất mỗi kênh: $\geq 20\text{mW}$				
				Có màn hình LCD hoặc cảm ứng hoặc tốt hơn				
6	Máy điều trị dòng giao thoa	Cái	8	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Máy chính: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Dây điện cực hút chân không: ≥ 02 bộ				
				Cốc hút chân không: ≥ 08 cái				
				Miếng bọt biển: ≥ 08 cái				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất: $\geq 140\text{VA}$				
				Tần số chênh lệch sóng giao thoa: từ $\leq 1\text{ Hz}$ đến $\geq 120\text{Hz}$.				
				Tần số hoạt động: Tần số nằm trong khoảng $\geq 2000\text{Hz}$ đến $\leq 6000\text{Hz}$				
				Tối thiểu có các mức điều biến: 25%, 50%, 75%, 100%				
				Dòng điện đầu ra tối đa: $\geq 60\text{mA}$				
				Chương trình điều trị mẫu tối thiểu: ≥ 09 chương trình				
				I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
7	Máy sóng ngắn điều trị	Cái	1	Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				Nguồn điện: AC 220V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Điện cực: ≥ 02 cái				
				Cánh tay đỡ: ≥ 01 bộ				
				Nút dừng khẩn cấp an toàn: ≥ 01 cái				
				Chân đế cố định chống rung: ≥ 01 cái				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất đầu vào: ≥ 600 VA				
				Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng ≥ 5.7 inch				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Tần số làm việc: $\geq 27,12$ MHz				
				Chế độ điều trị: Tối thiểu có xung và liên tục				
				Công suất đầu ra tối đa (chế độ liên tục): ≥ 200 W				
				Dải tần số xung: từ ≤ 50 Hz đến ≥ 800 Hz				
				Độ rộng xung: từ $\leq 50\mu$ s đến $\geq 200\mu$ s				
				Kích thước điện cực: đường kính ≥ 130 mm				
				Thời gian trị liệu cài đặt: ≤ 1 phút đến ≥ 30 phút				
8	Máy từ trường siêu dẫn	Cái	7	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				II. Yêu cầu về cấu hình				
				Máy chính kèm giường điều trị: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Giá đỡ đầu phát ≥ 01 cái				
				Đầu phát ≥ 01 cái				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu về tính năng thông số kỹ thuật				
				Công suất đầu vào định mức: $\geq 1800\text{VA}$				
				Màn hình cảm ứng hoặc tương đương, kích thước ≥ 8 inch				
				Cường độ từ trường tối đa: $\geq 3\text{T}$				
				Tần số đầu ra: $\leq 1\text{Hz}$ đến $\geq 30\text{Hz}$				
				Độ rộng xung: $\geq 100\mu\text{s}$				
				Có phác đồ điều trị mẫu: ≥ 40				
				Thời gian trị liệu: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 60 phút				
9	Máy từ rung nhiệt	Cái	3	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485				
				Điện áp định mức: 220V, tần số định mức: 50Hz/60Hz				
				II. Yêu cầu về cấu hình				
				Máy chính: 01 Cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Bản cực: ≥ 04 chiếc				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Kênh đầu ra trị liệu: tối thiểu 4 kênh				
				Công suất đầu vào định mức: $\geq 150\text{VA}$				
				Cường độ từ trường $\geq 12\text{ mT}$				
				Chế độ điều trị: ≥ 02 chế độ				
				Điều chỉnh nhiệt độ: Có tối thiểu 4 mức từ 40°C đến $\geq 55^{\circ}\text{C}$				
				Thời gian điều trị có thể điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 30 phút				
10	Máy điện xung điện phân	Cái	2	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2025 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Nguồn điện cấp: Điện áp AC 220V - 240V, tần số 50Hz/60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái				
				Dây nguồn: 01 cái				
				Dây cáp: ≥ 01 cái				
				Điện cực cao su ≥ 50 mm x 75 mm: ≥ 4 cái				
				Túi bọc điện cực ≥ 50 mm x 75 mm: ≥ 4 cái				
				Dây buộc điện cực: ≥ 4 cái				
				Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Xuất xứ: Châu Âu				
				Công suất tiêu thụ: ≥ 60 W				
				Hệ thống bảo vệ thiết bị: có tích hợp cầu chì bảo				
				Màn hình cảm ứng				
				Thời gian điều trị: Cài đặt được từ ≤ 1 phút đến ≥ 60 phút.				
				Cường độ dòng tối đa: ≥ 100 mA				
				Chế độ phát dòng: Tối thiểu 25 dạng sóng.				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Chế độ hoạt động: Dòng điện không đổi, điện áp không đổi				
				Số kênh điện trị liệu: ≥ 02 kênh				
				Có chức năng lưu trữ chương trình điều trị				
11	Máy kích thích điện chức năng	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2025 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam				
				Nguồn điện cấp: Điện áp AC 220V - 240V, tần số 50Hz/60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái				
				Dây nguồn: 01 cái				
				Dây cáp: ≥ 02 cái				
				Điện cực cao su kích thước 70mm x 50mm hoặc 60 mm x 85 mm: ≥ 8 cái				
				Túi bọc điện cực ≥ 70 mm x 50mm hoặc 60 mm x 85 mm: ≥ 8 cái				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Xuất xứ: Châu Âu				
				Công suất tiêu thụ: ≥ 75 VA.				
				Hệ thống bảo vệ thiết bị: có tích hợp cầu chì bảo vệ quá dòng				
				Màn hình màu LCD hoặc cảm ứng hoặc tốt hơn				
				Thời gian điều trị: cài đặt được từ 0 phút đến ≥ 60 phút.				
				Cường độ dòng tối đa: ≥ 100 mA				
				Chế độ phát dòng: Tối thiểu 25 dạng sóng.				
				Chế độ hoạt động: Dòng điện không đổi, điện áp không đổi				
				Số kênh điện trị liệu: ≥ 04 kênh				
				Có các phác đồ được lập trình sẵn				
				Bộ nhớ thiết bị hỗ trợ lưu: Có				
12	Máy xông hơi cục bộ	Cái	13	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Thân máy chính: ≥ 01 cái				
				Vòi phun: ≥ 02 cái				
				Bình chứa nước: ≥ 1 cái				
				Cốc đong: ≥ 1 cái				
				Tấm chụp xông hơi: ≥ 2 cái				
				Túi đựng dược liệu: ≥ 1 hộp				
				Băng thấm hút nước: ≥ 4 cái				
				Cầu chì: ≥ 2 cái				
				Ống cao su silicon: ≥ 1 cái				
				Vòng đệm: ≥ 1 cái				
				Bộ vệ sinh: ≥ 1 bộ				
				Bộ phận tạo hơi nước: ≥ 01 cái				
				Bộ phận điều khiển: ≥ 01 cái				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất đầu vào: ≥ 2300 VA				
				Màn hình cảm ứng LCD ≥ 7 inch hoặc tương đương				
				Điều chỉnh được ≥ 6 mức				
				Đầu phun có thể điều chỉnh được				
				Thời gian điều trị: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 99 phút.				
				Thiết kế giúp vòi phun không bị nhỏ giọt				
				Nhiệt độ làm nóng có thể điều chỉnh từ: $\leq 70^{\circ}\text{C}$ và $\geq 99^{\circ}\text{C}$				
				Thể tích chất lỏng thêm tối đa $\geq 3\text{L}$				
				Kênh đầu ra: ≥ 02 kênh				
				Máy cho phép điều trị đồng thời 02 bệnh nhân				
				Máy có chức năng tự động chống rò rỉ và bảo vệ khi cháy khô				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Có công nghệ hoặc cảm biến đo nhiệt tránh bỏng				
13	Máy kéo giãn cột sống thắt lưng cổ	Cái	2	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Nguồn điện: AC 220V/ AC 230V, tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz				
				Điều kiện làm việc yêu cầu:				
				Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 máy				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Bộ phận dừng khẩn cấp: 01 cái				
				Đai kéo giãn lưng: ≥ 01 cái				
				Đai kéo giãn cổ: ≥ 01 cái				
				Ghế: ≥ 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Màn hình cảm ứng ≥ 5.7 inch.				
				Chế độ kéo: Có ít nhất 03 chế độ kéo				
				Lực kéo cột sống lưng: có thể điều chỉnh trong phạm vi từ 0 N - ≥ 990 N				
				Tổng thời gian kéo: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 99 phút				
				Kích thước giường kéo: Chiều dài ≥ 2100 mm, chiều rộng ≥ 600 mm				
				Có chức năng bù lực kéo tự động				
14	Máy kéo giãn giảm áp cột sống lưng	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Môi trường hoạt động yêu cầu: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				Điện áp yêu cầu: AC 220V ~ 240, tần số 50Hz hoặc 60 Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Giường kéo giãn nâng hạ điện: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Đai kéo giãn lưng: ≥ 01 cái				
				Đai hoặc khung kéo giãn cổ tư thế nằm: ≥ 01 cái				
				Khung kê kê chân: ≥ 01 cái				
				Máy tính: ≥ 01 cái				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Công tắc khẩn cấp: ≥ 01 bộ				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Kích thước giường yêu cầu tối thiểu (Dài x Rộng x Cao): $\geq 1980\text{mm} \times 680\text{mm} \times 660\text{mm}$				
				Tải trọng giường yêu cầu tối thiểu: $\geq 200\text{Kg}$				
				Chế độ hoạt động: Tối thiểu bốn chương trình				
				Phạm vi điều chỉnh góc điều trị cho phép: từ 0° đến $\geq 25^\circ$.				
				Thiết bị cho phép cài đặt và hiển thị theo thời gian thực				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Chức năng an toàn: Yêu cầu tối thiểu phải có công tắc ngắt khẩn cấp hoặc tương đương				
15	Máy trị liệu nhiệt nóng lạnh	Cái	4	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam				
				Điện áp định mức yêu cầu: 110V - 230V				
				Tần số định mức yêu cầu : 50Hz - 60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Đầu điều trị: ≥ 01 cái				
				Giá đỡ đầu điều trị: 01 cái				
				Xe đẩy chính hãng: ≥ 01 cái				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: 01 bộ				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất yêu cầu: $\geq 300VA$				
				Màn hình hiển thị LCD hoặc tương đương				
				Thời gian điều trị cho phép cài đặt: Từ ≤ 1 phút đến ≥ 90 phút				
				Phạm vi cài đặt nhiệt độ điều trị cho phép: từ $\leq 4^{\circ}C$ đến $\geq 41^{\circ}C$				
16	Máy trị liệu bằng sóng xung kích	Cái	5	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường Việt Nam				
				Điện áp yêu cầu: AC 100V ~ 240V				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính kèm màn hình màu cảm ứng 10,1 inch tích hợp xe đẩy: 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Đầu phát điều trị: ≥ 01 cái				
				Giá đỡ đầu phát điều trị: ≥ 01 cái				
				Gel điều trị: ≥ 01 chai				
				Giá đỡ chai gel: ≥ 01 cái				
				Tấm truyền: ≥ 03 cái				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất đầu vào yêu cầu: $\geq 150\text{VA}$				
				Màn hình cảm ứng hoặc tương đương, kích				
				Công suất điều trị tối đa: $\geq 0,65 \text{ mJ/mm}^2$.				
				Tần số: từ $\leq 1 \text{ Hz}$ đến $\geq 8\text{Hz}$				
				Chế độ hoạt động tối thiểu 02 chế độ: Đơn và liên tục				
				Số lượng xung/ lần điều trị: từ ≤ 100 xung đến ≥ 7000 xung				
				Chương trình điều trị sẵn: ≥ 10 chương trình				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Áp suất âm thanh trong phạm vi cài đặt: $\leq 10\text{MPa}$ đến $\geq 60\text{MPa}$				
				Độ sâu điều trị: Tối đa $\geq 44\text{mm}$				
17	Máy tập chủ động và thủ động chi trên và chi dưới	Cái	3	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				Nguồn điện: AC 220V , tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái				
				Màn hình LCD: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Cụm tay quay tập vận động chi trên: Tay cầm tập luyện hai bên: ≥ 01 cái				
				Bộ phận điều chỉnh độ cao và góc tập: ≥ 01 bộ				
				Nút dừng khẩn cấp an toàn: ≥ 01 cái				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Chân đế cố định chống rung: ≥ 01 cái				
				Thiết bị ghi điện não: ≥ 01 cái				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Chức năng chính yêu cầu: Có tối thiểu chức năng tập luyện chi trên và chi dưới				
				Công suất đầu vào: ≥ 80 VA				
				Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD hoặc tương đương, kích thước ≥ 8 inch				
				Phạm vi điều chỉnh chiều cao cho phép: từ 0 mm đến ≥ 80 mm				
				Bộ phận tập chi trên có thể xoay ngang 180°				
				Thời gian tập luyện: từ ≤ 1 phút đến ≥ 60 phút				
				Dải tốc độ tập luyện: từ ≤ 4 rpm đến ≥ 55 rpm				
				Chế độ hỗ trợ quay thuận/nghịch				
				Dải điều chỉnh kháng lực tối đa ≥ 15 mức				
				Có tính năng thống kê dữ liệu luyện tập				
				Mức độ tiếng ồn khi vận hành ≤ 60 dB(A).				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
18	Máy tập chủ động và thụ động (chi trên)	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái				
				Màn hình LCD: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Khung đỡ tay: ≥ 01 cái				
				Chân đế di động tích hợp bánh xe khóa: ≥ 01 bộ				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD ≥ 7 inch				
				Phạm vi điều chỉnh chiều cao cột trụ: từ 0mm đến ≥ 100 mm				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Phạm vi mở rộng cánh tay cho phép điều chỉnh từ 0mm đến $\geq 100\text{mm}$				
				Có tính năng thống kê dữ liệu luyện tập				
				Phạm vi điều chỉnh tốc độ: từ ≤ 5 vòng/phút đến ≥ 55 vòng/phút				
19	Máy tập chủ động và thụ động (chi dưới)	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái				
				Màn hình LCD: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Khung đỡ chân: ≥ 01 cái				
				Chân đế di động tích hợp bánh xe khóa: ≥ 01 bộ				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
20	Hệ thống PHCN chi dưới	Cái	1	Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD, kích thước ≥ 7 inch				
				Phạm vi điều chỉnh chiều cao cột trụ: từ 0 đến $\geq 100\text{mm}$				
				Phạm vi điều chỉnh tốc độ: từ ≤ 5 vòng/phút đến ≥ 55 vòng/phút				
				I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				Nguồn điện: AC 220V , tần số định mức 50Hz hoặc 60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Giường tập đứng: 01 cái				
				Dây nguồn và phụ kiện kết nối: ≥ 01 cái				
				Hệ thống tập chi dưới: ≥ 01 bộ				
				Khung đỡ và hệ thống treo giảm tải trọng cơ thể: ≥ 01 bộ				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Bộ đai cố định(vai, ngực, hông, đùi, cẳng chân, bàn chân): ≥ 01 bộ				
				Hệ thống nâng hạ bằng điện: 01 bộ				
				Màn hình điều khiển cảm ứng ≥ 15 inch hoặc tương đương: ≥ 01 cái				
				Màn hình LCD ≥ 55 inch: ≥ 01 bộ				
				Phần mềm điều khiển có giao diện tiếng Việt hoặc hỗ trợ ngôn ngữ tiếng Việt: 01 bộ (tích hợp theo thiết bị)				
				Nút dừng khẩn cấp: ≥ 01 cái				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD, kích thước ≥ 15 inch				
				Dải góc đứng: từ 0° đến $\geq 90^\circ$				
				Tốc độ bước: có thể điều chỉnh từ ≤ 8 bước/phút đến ≥ 80 bước/phút				
				Tải trọng chân cơ học lên đến ≥ 50 kg				
				Điều chỉnh sai chân / Bàn đạp: Cho phép điều chỉnh linh hoạt hoặc liên tục				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
21	Hệ thống PHCN bàn tay	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chủ: 01 cái				
				Bánh xe có khóa: 04 cái				
				Bộ khung gâm: 01 cái				
				Mặt bàn: 01 cái				
				Thiết bị xoay bàn tay: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập nâng ngón tay: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập gập/ duỗi cổ tay: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập lệch trụ/ lệch quay cho cổ tay: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập luyện ngón cái: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập kẹp ngón tay: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập kéo ngang ngón tay: ≥ 01 cái				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Thiết bị tập gập/ duỗi ngón tay: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập xoay cẳng tay: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập nắm: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập đối xứng: ≥ 01 cái				
				Thiết bị tập giữ ngón tay: ≥ 01 cái				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Số lượng bệnh nhân tập cùng lúc. Cho phép tối thiểu 04 bệnh nhân tập luyện đồng thời				
				Phạm vi điều chỉnh lực cản kháng trở từ $\leq 300g$ đến $\geq 1500g$				
				Tối thiểu 12 chế độ tập luyện cho chi trên				
				Cho phép điều chỉnh lực cản nhanh và chính xác				
22	Hệ thống tập và đánh giá PHCN cân bằng	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Khung máy chính: 01 cái				
				Bàn thắng bằng: ≥ 01 cái				
				Tay vịn: ≥ 01 bộ				
				Máy tính: ≥ 01 bộ				
				Bệ đỡ có bánh xe đẩy: 01 bộ				
				Giá đỡ: ≥ 01 bộ				
				Có phần mềm điều khiển có giao diện tiếng Việt hoặc hỗ trợ ngôn ngữ tiếng Việt				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh - Tiếng Việt: ≥ 01 Bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công nghệ / Hệ thống cảm biến yêu cầu: Cảm biến áp lực hoặc tương đương				
				Kích thước tấm nhận dữ liệu: $\geq 420\text{mm} \times 420\text{mm}$				
				Có khả năng thu thập dữ liệu đo theo thời gian thực				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Số cảm biến áp lực yêu cầu: Có tối thiểu 4 cảm biến áp lực				
				Giao diện truyền dữ liệu: Có khả năng kết nối máy tính qua USB hoặc giao tiếp tương đương				
23	Máy xoa bóp áp lực hơi	Cái	32	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Nguồn cấp: Phù hợp với điện lưới Việt Nam				
				Môi trường hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 máy				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất đầu vào: $\geq 50VA$				
				Túi khí tối thiểu 04 khoang/chi, 08 khoang cho hai chi.				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Áp suất tối đa ≥ 203 mmHg.				
				Thời gian điều trị: Điều chỉnh từ ≤ 1 phút đến ≥ 30 phút				
24	Máy siêu âm điều trị	Cái	1	1. Yêu cầu chung				
				Sản xuất năm: 2026 trở về sau, mới 100%				
				Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương				
				Điện áp làm việc: 100V đến 240VAC, 50/60Hz				
				Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện môi trường và khí hậu Việt Nam				
				2. Cấu hình cho mỗi máy:				
				Máy chính: 01 cái				
				Cáp nguồn/Adapter: 01 cái				
				Đầu dò siêu âm: ≥ 01 cái				
				Chai gel siêu âm: ≥ 01 chai				
				Xe đẩy chính hãng: 01 cái				
				Bộ hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ				
				3. Yêu cầu về kỹ thuật:				
				Màn hình có kích thước ≥ 5 inch				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Số cổng kết nối ≥ 2 cổng, cho phép điều chỉnh độc lập				
				Tần số đầu phát: 1Mhz và 3Mhz $\pm 10\%$				
				Cường độ điều trị tối đa: $\geq 1,5W/cm^2$				
				Chế độ hoạt động tối thiểu 2 chế độ				
25	Máy siêu âm tổng quát	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Thiết bị được sản xuất năm 2026 trở về sau, mới 100%.				
				Nhà sản xuất có giấy chứng chỉ quốc tế : ISO 13485 và CE hoặc ISO13485 và FDA				
				Xuất xứ máy chính và đầu dò: Thuộc nhóm nước G7				
				Điện nguồn sử dụng: Phù hợp với điện áp Việt Nam				
				Điều kiện môi trường hoạt động: Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				II. Cấu hình				
				Máy chính kèm xe đẩy: 01 bộ				
				Phụ kiện kèm theo:				
				Đầu dò convex đơn tinh thể hoặc tương đương: 01chiếc				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Đầu dò tuyến tính điện tử : 01 chiếc				
				Đầu dò tìm đơn tinh thể hoặc ma trận: 01 chiếc				
				Phần mềm DICOM: 01 bộ				
				Phần mềm đo độ dày lớp nội trung mạc tự động: 01 bộ				
				Phần mềm siêu âm vi mạch hoặc siêu âm dòng màu độ nhạy cao hoặc tương đương: 01 bộ				
				Phần mềm siêu âm mở rộng toàn cảnh: 01 bộ				
				Máy in ảnh nhiệt đen trắng: 01 chiếc				
				Bộ lưu điện 2KVA: 01 chiếc				
				Bộ máy tính để bàn: 01 chiếc				
				Máy in màu khổ A4 : 01 chiếc				
				III. Đặc tính kỹ thuật				
				1. Cấu tạo chung				
				Kích thước màn hình hiển thị: ≥ 21.5 inch				
				Loại màn hình điều khiển: Màn hình cảm ứng				
				Kích thước màn hình điều khiển: ≥ 10.4 inch				
				Dung lượng ổ cứng ≥ 1 TB				
				Có cổng USB				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Số cổng cắm đầu dò: ≥ 4 cổng cắm				
				Cổng mạng: có				
				Dải động hệ thống: $\geq 310\text{dB}$				
				Kênh xử lý: $\geq 4,600,000$ kênh				
				Tốc độ khung hình: ≥ 850 khung hình/giây				
				Có khả năng nâng cấp lên phần mềm siêu âm hòa hình với ảnh CT/MRI				
				2. Các chế độ hoạt động và hiển thị hình ảnh				
				Chế độ B				
				Chế độ dòng màu				
				Chế độ M mode				
				Chế độ Doppler phổ (PW, CW, HPRF-PW)				
				Chế độ Doppler năng lượng (Doppler năng lượng có hướng)				
				3. Tính năng chế độ B				
				Độ khuếch đại: có thể điều chỉnh				
				Dải động: Có thể điều chỉnh				
				Tần số tối đa: $\geq 22\text{ Mhz}$				
				Bản đồ thang xám: có thể điều chỉnh				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Có thể lái tia trên đầu dò tuyến tính				
				Có thể phóng đại hình ở chế độ dừng hình và thời gian thực				
				Độ sâu tối đa: ≥ 40 cm				
				Có bộ lọc nhiễu đốm ≥ 5 bước				
				4. Chế độ M				
				Tốc độ quét: Có thể điều chỉnh				
				Có chế độ góc M tự do				
				5. Chế độ Doppler phổ				
				Độ khuếch đại: Có thể điều chỉnh				
				Điều chỉnh kích thước cổng lấy mẫu Doppler: $\leq 1\text{mm}$ đến $\geq 20\text{mm}$				
				Độ lọc thành tối đa: Có thể điều chỉnh				
				Điều chỉnh góc: Có thể điều chỉnh				
				Dịch chuyển đường cơ bản: Có thể điều chỉnh được				
				Tần số lặp lại xung PW: ≤ 0.2 kHz đến ≥ 34 kHz				
				Vận tốc tối đa CW: ≥ 1600 cm/s				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Có chức năng tự động viên phổ Doppler thời gian thực				
				6. Chế độ Doppler màu				
				Độ lọc thành: có thể điều chỉnh				
				Bản đồ màu: có thể điều chỉnh				
				7. Chế độ Doppler năng lượng				
				Độ lọc thành: có thể điều chỉnh				
				Bản đồ màu: có thể điều chỉnh				
				8. Các phép đo cơ bản và chuyên sâu				
				Các phép đo cơ bản chế độ B tối thiểu có: Khoảng cách, chu vi, diện tích.				
				Các phép đo cơ bản chế độ M tối thiểu có: Độ dài, thời gian, nhịp tim, vận tốc				
				Các phép đo cơ bản chế độ Doppler tối thiểu có: Vận tốc, gia tốc, thời gian, nhịp tim, chỉ số kháng lực (RI), chỉ số đập (PI).				
				Có các phép đo chuyên sâu cho ổ bụng, sản khoa, tim, mạch, phần nông, tiền liệt tuyến.				
				9. Các đầu dò siêu âm				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Đầu dò rẽ quạt điện tử, công nghệ đơn tinh thể				
				Tần số từ: ≤ 1.0 MHz đến ≥ 5 MHz				
				Góc quét: ≥ 70 độ				
				Số lượng chân tử: ≥ 160				
				Đầu dò tuyến tính điện tử				
				Tần số từ: ≤ 3 MHz đến ≥ 12 MHz				
				Độ rộng: ≥ 38 mm				
				Số lượng chân tử: ≥ 160 chân tử				
				Đầu dò tìm đơn tinh thể hoặc ma trận				
				Tần số từ: ≤ 1 MHz đến ≥ 5 MHz				
				Góc quét: ≥ 90 độ				
				Số lượng chân tử: ≥ 80 chân tử				
26	Máy rửa được liệu	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương				
				Nguồn điện: phù hợp với điện lưới Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Máy chính: 01 cái.				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Kích thước thùng quay: (Đường kính x chiều dài) $\geq \text{Ø}600 \text{ mm} \times \geq 1.500 \text{ mm}$				
				Công suất động cơ: $\geq 0.75\text{kW}$				
				Tốc độ quay tối đa: ≥ 9 vòng/phút				
27	Máy sắc thuốc	Cái	2	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc 14001 hoặc tương đương				
				Điện áp: 220V/ 50Hz – 60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Nồi sắc: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Trục ép: ≥ 01 cái				
				Hộp điều khiển: ≥ 01 cái				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Đồng hồ chỉ áp lực và van xả hơi: ≥ 01 bộ				
				Van chuyển thuốc: ≥ 01 cái				
				Van xả nước: ≥ 01 cái				
				Túi lọc đựng thuốc sắc: ≥ 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Dung tích nồi sắc: $\geq 50L$				
				Công suất: $\geq 2.4kW$				
				Máy sắc thuốc sử dụng áp suất				
28	Máy cắt dược liệu củ quả	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái				
				Xi lanh nén khí: ≥ 01 cái				
				Áp xuất kế: ≥ 01 cái				
				Súng phun: ≥ 01 cái				

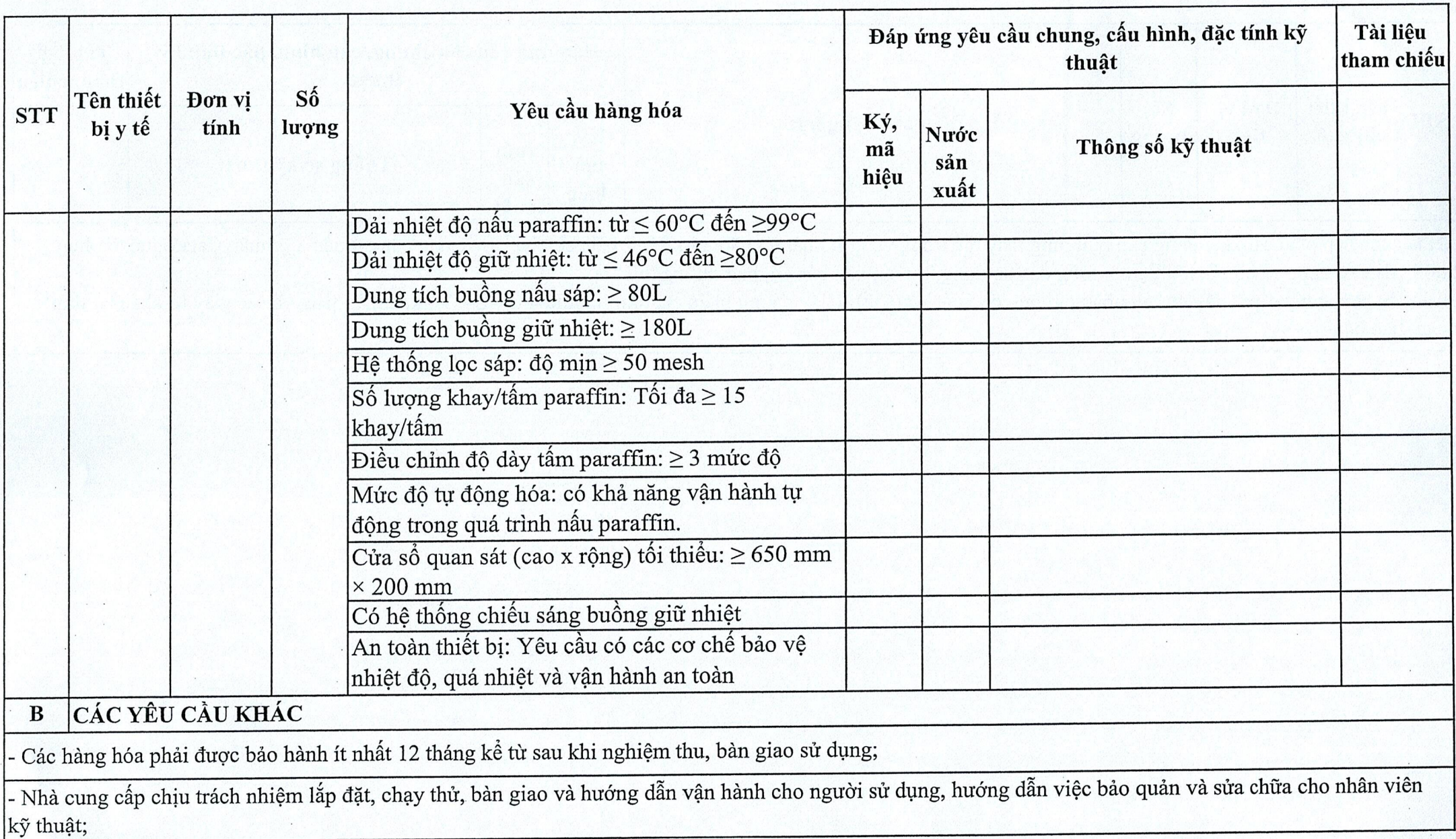
STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Van điện từ: ≥ 01 cái				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh + Việt): ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Năng suất tối đa: ≥ 800 Kg/h				
				Kích cỡ cắt có thể điều chỉnh: từ $\leq 3\text{mm}$ đến $\geq 6\text{ mm}$				
				Công suất động cơ: ≥ 5.5 kW				
				Bộ chuyển đổi: ≥ 7.5 kW				
29	Máy cắt được liệu thân cứng	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Năng suất từ $\leq 50\text{kg/h}$ đến $\geq 800\text{ kg/h}$				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Kích cỡ cắt: từ $\leq 20\text{mm}$ đến $\geq 60\text{ mm}$				
				Bề rộng của băng chuyên truyền tải tối thiểu: $\geq 200\text{ mm}$				
				Công suất động cơ: $\geq 2.2\text{ KW}$				
				Tốc độ: $\geq 357\text{ lần/phút}$				
30	Máy bao viên	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương				
				Điện áp nguồn: phù hợp với điện lưới Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: ≥ 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ				
				Biến tần điều chỉnh nhanh chậm: ≥ 01 cái				
				Đồng hồ báo nhiệt độ: ≥ 01 cái				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Năng suất tối đa: $\geq 40\text{kg/mẻ}$				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				Đường kính: $\geq 1000\text{mm}$				
				Công suất động cơ: $\geq 0,75\text{ KW}$				
				Tốc độ động cơ: ≥ 25 vòng/phút.				
				Công suất gia nhiệt: $\geq 4\text{ KW}$				
				Công suất quạt: $\geq 220\text{ W}$				
				Vật liệu chế tạo máy yêu cầu: inox 304 hoặc tương đương				
31	Tủ sấy được liệu	Cái	1	I. Yêu cầu chung				
				Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc tương đương				
				Điện áp nguồn: phù hợp với điện lưới Việt Nam				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: ≥ 01 bộ				
				Quạt gió: ≥ 02 cái;				
				Xe khay: ≥ 02 cái				
				Khay: ≥ 48 cái				
				Hướng dẫn sử dụng: ≥ 01 bộ				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Buồng sấy yêu cầu: Sử dụng bông thủy tinh cách nhiệt hoặc tương đương				
				Cánh cửa yêu cầu có 2 cánh mở đối diện liên động nhau bằng khóa từ				
				Vỏ trong và ngoài của máy bằng inox 304 dày: $\geq 1\text{mm}$				
				Khung bằng thép cacbon định hình hoặc tương đương				
				Số buồng: ≥ 1 buồng				
				Đảm bảo nhiệt độ đồng đều trong buồng $\pm 0.2^{\circ}\text{C}$				
				Nhiệt độ trong buồng: $\leq 30^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 150^{\circ}\text{C}$				
				Nhiệt độ tối đa: $\geq 150^{\circ}\text{C}$				
				Kích thước tủ sấy: Dài $\geq 2500\text{mm}$ x Rộng $\geq 1200\text{mm}$ x Cao $\geq 1200\text{mm}$.				
				Kích thước hiệu dụng: Dài $\geq 2000\text{mm}$ x Rộng $\geq 1000\text{mm}$ x Cao $\geq 1500\text{mm}$.				
				Kích thước cánh cửa: Dài $\geq 1100\text{mm}$ x Rộng $\geq 1600\text{mm}$ x Dày $\geq 50\text{mm}$.				
				I. Yêu cầu chung				

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
32	Tủ sấy parafin	Cái	1	Hàng hóa mới 100%				
				Năm sản xuất máy chính 2026 trở đi				
				Đạt chứng chỉ chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương				
				Yêu cầu về điều kiện hoạt động : Phù hợp với môi trường và khí hậu Việt Nam				
				Nguồn điện: AC 220V – 50Hz/60Hz				
				II. Yêu cầu về mặt cấu hình:				
				Máy chính: 01 cái				
				Dây nguồn: ≥ 01 cái				
				Dao phết sáp: ≥ 01 cái				
				Cầu chì: ≥ 02 cái				
				Thước thủy: ≥ 01 cái				
				Phần mềm vận hành/điều khiển thiết bị hỗ trợ giao diện tiếng Việt: ≥ 01 bộ				
				Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh-Việt: ≥ 01 bộ				
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật				
				Công suất đầu vào: ≥ 3500 VA				
				Giao diện điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD, kích thước ≥ 8 inch				



STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu chung, cấu hình, đặc tính kỹ thuật			Tài liệu tham chiếu
					Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	
- Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 05 năm khi Bệnh viện có nhu cầu; Cung cấp tài liệu kỹ thuật, Catalogue, tài liệu hướng dẫn sử dụng và có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; Nhà thầu phải cung cấp: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng thiết bị (CQ); Tờ khai hải quan và các giấy tờ khác tại thời điểm giao hàng.								